

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

**\*\*\***

****

**HỒ SƠ MẪU**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN**

##### ***Thái Nguyên, năm 2022***

***Võ Nhai, tháng 10 năm 2018***

**7. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trình tự thực hiện** | - Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận cơ sở ATD bệnh động vật nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công, trực tuyến tại cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh hoặc qua đường bưu điện qua dịch vụ BCCI.  - Bước 2: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ quyết định việc cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y; trường hợp không cấp, gia hạn phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. |
| **Cách thức thực hiện** | Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công, trực tuyến tại cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh hoặc qua đường bưu điện qua dịch vụ BCCI |
| **Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ** | - Đơn hoặc Văn bản đề nghị của Chủ tịch UBND xã đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh bệnh (Phụ lục VIa, VIb ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);  - Báo cáo điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn Phụ lục IIa, IIb ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT;  - Báo cáo kết quả giám sát;  - Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm (Kết quả thu mẫu xét nghiệm tại thời điểm kiểm tra);  - Bản sao kết quả kiểm tra, phân loại cơ sở còn hiệu lực (nếu có);  - Bản sao Giấy chứng nhận VietGAHP còn hiệu lực (nếu có). |
| **Số bộ hồ sơ** | 01 bộ |
| **Thời hạn giải quyết** | 20 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ |
| **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính** | Tổ chức, Cá nhân |
| **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính** | Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản tỉnh Thái Nguyên |
| **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính** | Giấy chứng nhận cơ sở ATD bệnh động vật |
| **Phí** | 300.000 đồng/lần |
| **Lệ phí** | Không |
| **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai** | Đơn đề nghị chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật |
| **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính** | Không quy định |
| **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính** | 1. Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 q[uy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Thong-tu-14-2016-TT-BNNPTNT-vung-co-so-an-toan-dich-benh-dong-vat-315677.aspx);  2.Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, lệ phí trong công tác thú y. |

**Mẫu 01: Giấy chứng nhận cơ sở ATD bệnh động vật**

|  |  |
| --- | --- |
| **Logo của Chi cục CNTYTS** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----------------------** |

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THÁI NGUYÊN  
CHI CỤC CHĂN NUÔI, THÚ Y VÀ THỦY SẢN**

**GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT**

**CHỨNG NHẬN**

Cơ sở:……………………………………………………………………………

Địa chỉ:………………………………………………………………………….

Được chứng nhận an toàn dịch bệnh đối với các bệnh:…………………………

…………………………………………………………………………………..

|  |  |
| --- | --- |
| Số: /TY-ATDB  Giấy chứng nhận này có giá trị đến ............................ | *……...., ngày….. tháng …... năm …...* **CHI CỤC TRƯỞNG** |

**Mẫu 02: Đơn đăng ký chứng nhận cơ sở ATD bệnh động vật**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*.................., ngày tháng năm ……..*

**ĐƠN ĐĂNG KÝ**

**CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT**

Kính gửi: (Cơ quan thú y)

**1. Tên cơ sở :** ………………………………..……………….…………………

Địa chỉ: ………………………………..…………………….…………………..

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

**2. Tên chủ cơ sở:** ................................................................................................

Địa chỉ thường trú: ..............................................................................................

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

**3. Đăng ký chứng nhận:**  Lần đầu  Đánh giá lại

Cấp lại  Bổ sung

Cấp đổi

Lý do khác: ....................................................

**(***ghi cụ thể lý do đối với trường hợp Cấp đổi:* **.........…………………………...**

**…………………………………………………………………………………..)**

**4. Loại hình hoạt động:**  Sản xuất giống  Nuôi thương phẩm  Làm cảnh

**5. Thị trường tiêu thụ**:  Nội địa  Xuất khẩu  Cả nội địa, xuất khẩu

**6. Cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn đối với bệnh** ...................................... trên đối tượng…...................................................................................................

**7. Hồ sơ đăng ký gồm:** (*Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định*).

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người làm đơn**  *(ký tên, đóng dấu) (\*)* |

*(\*) Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)*

**Mẫu 03: Văn bản đề nghị công nhận cơ sở ATD bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở chăn nuôi cấp xã**

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN…** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ......................... | *………., ngày ..… tháng…… năm .....* |
| V/v đăng ký chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn |  |

Kính gửi: (Tên Cơ quan thú y)

Thực hiện quy định tại Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn ……….. đề nghị (tên Cơ quan thú y) xét duyệt hồ sơ đăng ký và cấp/cấp lại/cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn.

Thông tin liên lạc: ……………………………………………………………

Họ và tên:……………………………………………………………………..

Chức vụ:………………………………………………………………………

Địa chỉ:……………………………………………………………………….

Điện thoại:……………………………………………………………………

Kèm theo là …………………………………………….../.

(Trường hợp cấp đổi phải ghi rõ lý do)

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - UBND huyện (để báo cáo);  - ...................;  - Lưu: ........ | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  *Ký tên, đóng dấu* |

**Mẫu 04: Báo cáo điều kiện cơ sở ATD bệnh động vật trên cạn**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----------------------**

*…………, ngày …… tháng…… năm …….*

**BÁO CÁO ĐIỀU KIỆN**

**CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN**

Kính gửi: ………………………………………..

Họ và tên chủ cơ sở chăn nuôi: . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . ..

Địa chỉ: . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .Điện thoại . . . . . . . . . . . . …

**1. Mô tả vị trí địa lý**

- Tổng diện tích đất tự nhiên. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . ……

- Vùng tiếp giáp xung quanh. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . ……

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . …

**2. Cơ sở vật chất**

- Hàng rào (tường) ngăn cách: Có. . . . Không . . . . .

- Khu hành chính gồm: Phòng thường trực: Có ........ Không .............

Phòng giao dịch: Có ......... Không ................

- Khu chăn nuôi: *Ví dụ: Số nhà nuôi lợn nái ........... Tổng diện tích ...................*

*Số nhà nuôi lợn đực giống .............Tổng diện tích ...................*

*Số nhà nuôi lợn thịt, lợn choai . . . Tổng diện tích...................*

- Khu nhà kho: Có kho thức ăn riêng biệt với diện tích ......................................

Có kho chứa dụng cụ, phương tiện chăn nuôi với diện tích ....

- Khu xử lý chất thải: Bể hoặc nơi tập trung chất thải: Có . . . . Không. . . . .

*(Nếu có mô tả hệ thống xử lý chất thải)*

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . ….

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . …

- Khu cách ly: Cách ly gia súc mới nhập: Có . . . . Không. . . .

Cách ly gia súc bệnh: Có. . . . .Không. . . .

*(Nếu có mô tả quy mô, Khoảng cách với khu khác).*

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

- Khu tiêu hủy gia súc bệnh: Có. . . .Không . . . .

- Quần áo, ủng, mũ dùng trong khu chăn nuôi: Có . . . . Không . . ..

- Phòng thay quần áo: Có. . . . .Không . . . .

- Phòng tắm sát trùng trước khi vào khu chăn nuôi: Có. . . . Không. . . .

*(Nếu có mô tả phòng tắm, hoá chất sát trùng).*

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

- Hố sát trùng ở cổng trước khi vào trại: Có. . . . Không . . . . .

*(Nếu có mô tả, hoá chất sát trùng).*

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

**3. Quy mô, cơ cấu đàn, sản phẩm, sản lượng**

- Quy mô: Tổng đàn: . . . .

- Cơ cấu đàn: *Ví dụ: Lợn nái . . . . .con*

*Lợn đực giống . . . .con*

*Lợn con theo mẹ: sơ sinh đến khi cai sữa (theo mẹ).*

*Lợn con > 2 tháng đến < 4 tháng (lợn choai): . . . .*

*Lợn thịt > 4 tháng: .................................................*

- Sản phẩm bán ra: *(loại gia súc gì)*. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

- Sản lượng hàng năm đối với mỗi loại sản phẩm:

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

**4. Nguồn nhân lực**

- Người quản lý: . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

- Số công nhân chăn nuôi: . . . . Số được đào tạo . . . .Số chưa được đào tạo . .

- Cán bộ thú y chuyên trách hay kiêm nhiệm, trình độ?

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

**15. Hệ thống quản lý chăn nuôi**

- Gồm những giống gia súc gì ? nhập từ đâu?

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

- Nguồn thức ăn tổng hợp? tự chế biến ? thức ăn xanh?

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

- Nguồn nước uống: nước máy, giếng khoan, nước tự nhiên?

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

- Chăm sóc quản lý: Sử dụng loại máng ăn, máng uống, thời gian cho ăn, số lần trong ngày, thời gian tắm.

Hệ thống ghi chép: lý lịch gia súc, ngày phối, ngày đẻ, số con sinh ra, tỷ lệ nuôi sống, ngày chu chuyển đàn, ...

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

- Chế độ vệ sinh chuồng trại trong ngày, trong tuần, tháng làm gì?

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

- Quy trình chăn nuôi đối với từng lứa tuổi, loại động vật: Có. .. Không . . . .

*(nếu có cung cấp bản photo kèm theo)*

- Nội quy ra vào trại: Có. . . . Không . . . .

*(Nếu có photo kèm theo)*

- Chế độ tiêm phòng: Loại vắc-xin, thời gian tiêm?

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

- Nơi tiêu thụ sản phẩm: Bán cho Công ty hoặc xí nghiệp nào?

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

- Tình hình chăn nuôi khu vực xung quanh bán kính cách trại 1 km: Người dân xung quanh chăn nuôi chủ yếu là con gì? ước tính số lượng mỗi loài, quy mô và phương thức chăn nuôi?

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

**6. Tình hình dịch bệnh ở trại trong 12 tháng qua**

- Tình hình dịch bệnh động vật tại trại?

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

- Công tác tiêm phòng hàng năm, đại trà, bổ sung, số lượng, tỷ lệ tiêm mỗi loại bệnh.

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

- Kết quả thực hiện giám sát dịch bệnh động vật tại trại?

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

- Tủ thuốc thú y gồm các loại thuốc, dụng cụ gì? Trị giá bao nhiêu?

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

|  |  |
| --- | --- |
|  | *. . . . . . . ., ngày tháng năm* **Chủ cơ sở** |

*Ghi chú:*

*Nếu có hoặc không đánh ấu " v"*

**Mẫu 05: Mẫu báo cáo điều kiện cơ sở ATD bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở chăn nuôi cấp xã**

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN ….. -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: …………………… | *………, ngày …… tháng …… năm ……* |

**BÁO CÁO ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT ĐỐI VỚI CƠ SỞ CHĂN NUÔI CẤP XÃ**

Kính gửi:

**I. ĐIỀU KIỆN CỦA VÙNG**

1. Địa Điểm vùng an toàn dịch bệnh:…………………………………………

2. Địa lý tự nhiên:…………………………………………………………….

3. Khí hậu, thời Tiết:…………………………………………………………

4. Giao thông:…………………………………………………………………

5. Sông rạch:………………………………………………………………….

6. Đặc Điểm kinh tế - xã hội:…………………………………………………

7. Hệ thống thú y:……………………………………………………………..

**II. CHĂN NUÔI VÀ TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH**

1. Đặc Điểm, tình hình phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn:

2. Tình hình dịch bệnh động vật trên địa bàn trong năm, nêu rõ nguyên nhân, nhận định tình hình:

**III. KẾ HOẠCH XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ VÙNG AN TOÀN DỊCH BỆNH**

1. Mục đích, yêu cầu……………………………………………………………

2. Nội dung kế hoạch…………………………………………………………..

3. Giải pháp thực hiện kế hoạch

3.1. Về tổ chức, chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra

3.2. Về nguồn lực

a) Dự trù vật tư, hóa chất, kinh phí và nguồn nhân lực để triển khai các biện pháp phòng, chống dịch.

b) Dự trù các trang thiết bị cần đầu tư, bổ sung, hiệu chỉnh để phục vụ công tác chẩn đoán xét nghiệm, giám sát, Điều tra ổ dịch, xây dựng bản đồ dịch tễ và phân tích số liệu.

3.3. Kế hoạch sử dụng vắc xin (nêu kết quả cụ thể)

3.4. Chương trình giám sát dịch bệnh (nêu kết quả cụ thể)

3.5. Các giải pháp kỹ thuật khác

a) Các biện pháp xử lý khi có dịch bệnh xảy ra.

b) Về vệ sinh, khử trùng tiêu độc.

c) Về kiểm dịch vận chuyển

d) Kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y

đ) Về quản lý hoạt động kinh doanh thuốc thú y

e) Quản lý người hành nghề thú y

3.6. Giải pháp về thông tin, tuyên truyền cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động thú y trên địa bàn; tập huấn cho người chăn nuôi, nhân viên thú y xã, công chức, viên chức, người lao động trong hệ thống thú y địa phương về chuyên môn, nghiệp vụ, chủ trương, chính sách, các quy định của nhà nước, các văn bản hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y.

4. Nguồn kinh phí và cơ chế tài chính

5. Tổ chức thực hiện

Phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, đơn vị có liên quan để triển khai Kế hoạch; tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch.

**IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:…………………………………………………**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - ...................; - Cơ quan Thú y vùng; - Lưu: ........ | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CHỦ TỊCH** *Ký tên, đóng dấu* |